

Số: 369/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện  
niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;

Căn cứ Giấy đề nghị ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam về việc bổ sung danh mục hàng hóa thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện, niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là MXV) thí điểm niêm yết giao dịch một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện (mặt hàng thuộc nhóm năng lượng và mặt hàng gạo) trên Sở Giao dịch hàng hóa (danh mục hàng hóa như phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Các hợp đồng giao dịch mặt hàng thuộc nhóm năng lượng và mặt hàng gạo phải tất toán trước khi đến hạn. Không giao nhận hàng vật chất.

**Điều 3.** Thời gian thực hiện thí điểm là 01 năm (một năm).

**Điều 4.** Trách nhiệm của MXV trong việc gửi báo cáo giao dịch đối với các mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện như sau:

1. MXV gửi báo cáo đến hộp thư điện tử của Vụ Thị trường trong nước [sogiaodich@moit.gov.vn](mailto:sogiaodich@moit.gov.vn), đính kèm dữ liệu giao dịch.

2. Định dạng dữ liệu: File dữ liệu định dạng bảng tính Excel.

3. Thời gian gửi báo cáo: Hàng ngày từ 6h00 đến 9h00 sáng (sau khi hết giờ giao dịch và hệ thống giao dịch xử lý xong dữ liệu kết thúc phiên).

4. Nội dung dữ liệu: Khối lượng/giá trị khớp lệnh, số lượng hợp đồng đang có vị thế mở đối với từng mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Thị trường trong nước, Pháp chế, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Cục Xuất nhập khẩu và Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Vụ Pháp chế;
- Các cục: TMĐT và KTS, XNK;
- Tổng cục Quản lý thị trường;
- Các Sở Công Thương;
- Lưu: VT, TTTN.



**Đỗ Thắng Hải**



## Phụ lục

### DANH MỤC HÀNG HÓA THÍ ĐIỂM NIÊM YẾT GIAO DỊCH TRÊN SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM (MXV)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 369/QĐ-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

#### Dầu thô

1. Dầu thô Brent ICE EU (Brent Crude Oil ICE EU)
2. Dầu thô Brent mini ICE Singapore (Mini Brent Crude Oil ICE Singapore)
3. Dầu thô ngọt nhẹ WTI NYMEX (WTI Crude Oil NYMEX)
4. Dầu thô ngọt nhẹ WTI Mini NYMEX (Mini WTI Crude Oil NYMEX)
5. Dầu thô ngọt nhẹ WTI ICE EU (WTI Crude Oil ICE EU)
6. Dầu thô chua trung bình INE (Medium Sour Crude Oil INE)

#### Xăng dầu thành phẩm

1. Xăng pha chế NYMEX (RBOB Gasoline NYMEX)
2. Dầu nhiên liệu ít lưu huỳnh ICE EU (Low Sulphur Gasoil ICE EU)
3. Dầu đốt ICE EU (Heating Oil ICE EU)
4. Dầu đốt NYMEX (NY Harbor ULSD NYMEX)

#### Khí đốt

1. Khí tự nhiên NYMEX (Natural Gas NYMEX)
2. Khí tự nhiên mini NYMEX (Mini Natural Gas NYMEX)
3. Khí Propane Conway NYMEX (Conway Propane NYMEX)
4. Khí tự nhiên UK ICE EU (UK Natural Gas)

#### Gạo

1. Gạo thô CBOT (Rough Rice CBOT)
2. Gạo trắng tiêu chuẩn Việt Nam
  - Gạo trắng hạt dài 100% loại A
  - Gạo trắng hạt dài 100% loại B
  - Gạo trắng hạt dài 5% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 10% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 15% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 20% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 25% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 35% tấm
  - Gạo trắng hạt dài 45% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 5% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 10% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 15% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 20% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 25% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 35% tấm
  - Gạo trắng hạt ngắn 45% tấm